

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: P. HÀNH CHÍNH. TH. kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	
1	- Máy vi tính CMS (màn hình LCD 17 in)	02201.00.030000.021	1	12.500.000		1	T. Tung 11"			
2	- MT xách tay Sony VAIO VGN-SR56GG/B	02201.00.030000.028	1	31.990.000		1	T. Hân D			
3	- MT xách tay HP PAVILION DV 3003TX	02201.00.030000.029	1	25.687.000		1	T. Khoa			
4	- Máy in đa chức năng HP Laser MT536	02201.00.030000.033	1	11.550.000		1				
5	- Máy chiếu đa năng HITACHI 2500	02201.00.030000.036	1	35.000.000		0				
6	- Bộ điều khiển trung tâm TOA TS-800	02201.00.030000.038	1	16.760.000		1	A1			
7	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.047	1	15.728.571		1				
8	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.048	1	15.728.571		1				
9	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.049	1	15.728.571		1				
10	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.050	1	15.728.571		1				
11	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.051	1	15.728.571		1				
12	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.052	1	15.728.571		1				
13	- Bộ xác pin TOA BC-900	02201.00.030000.053	1	15.728.571		1				
14	- Máy tính xách tay Sony Vaio	02201.00.030000.111	1	28.589.000	5.717.800	1	T. Thanh			
15	- Máy tính xách tay Sony Vaio	02201.00.030000.112	1	28.589.000	5.717.800	1	T. Phụng			
16	- Máy tính xách tay Sony Vaio	02201.00.030000.113	1	28.589.000	5.717.800	1	T. Khoa			

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	-Máy lọc cà phê Delonghi	02201.00.030000.118	1	47.514.000	28.508.400	1						
18	-Máy tính xách tay Apple - MacBook ME294	02201.00.030000.121	1	60.770.000	36.462.000	1	Thầy Khoa					
19	-Máy tính bảng Apple X70 - Thấy Phương	02201.00.030000.128	1	42.500.000	25.500.000	1	Thầy Phương					
20	-Máy tính để bàn Apple Imac	02201.00.030000.129	1	47.000.000	28.200.000	1	Thầy Khoa					
21	-Máy in A3 HP laser Jet E200	02201.00.030000.132	1	26.490.000	10.596.000	1	A. Dũng - T3					
22	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3040 MT - Bàn truyền thống - HH Nam - 2017	02201.01.030106.002	1	18.150.000	18.150.000	1	3046					
23	-Máy tính xách tay HP Probook 430 G3 2016 - Thấy Mai Văn Tứ	02201.01.030208.001	1	15.536.400	12.429.120	1	Thầy Tú					
24	-Máy in kim EPSON PLO-20M	02201.01.030303.001	1	24.600.000	19.680.000	1	A. Dũng - T3					
25	-Máy in kim Epson LQ-680Pro - In văn bản	02201.01.030304.002	1	16.400.000	13.120.000	1	A. Dũng - T3					
26	-Két sắt Hammi HS - 52E	02201.01.031001.001	1	10.000.000	8.750.000	1	A. Khoa					
27	-Màn hình thông báo BV-55141-55" KT 1317x781x80mm 2017	02201.01.031001.002	1	66.000.000	66.000.000	1	Sinh T1					
28	-Máy ảnh Canon EOS 70D 2016 - Nam	02201.01.031302.001	1	26.950.000	21.560.000	1						
29	-Máy tính để bàn PC HP-Compaq Dx7510	02201.02.030000.004	1	23.276.000		1	A. Dũng - T3					
30	-Máy tính HP Compaq Dx7510MT	02201.02.030000.005	1	14.741.407		1	Một cái					
31	-Máy chiếu đa năng Sony VPL-CX120	02201.02.030000.008	1	35.231.264		0						
32	-Máy tính Dell Vostro 260	02201.02.030000.012	1	10.898.416	2.179.684	1	A. Dũng - Văn Thu					
33	-Máy tính VPCL 212 FX/B màn 24 inch	02201.02.030000.015	1	35.765.400	7.153.080	1	T. Phương					
34	-Máy tính VPCL 212 FX/B màn 24 inch	02201.02.030000.016	1	35.765.400	7.153.080	1	T. Phương					
35	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	02201.02.030000.019	1	14.064.223	2.812.844	1	A. Dũng - T3					
36	-Máy in bảng Olivetti PR2 Plus	02201.02.030000.024	1	17.734.283	3.546.856	0	→ THSP → đ/c T. Khoa					
37	-Máy in đa năng Panasonic KX-MB	02201.04.030000.001	1	12.469.600	2.493.920	1	A. Dũng - T3					
38	-Máy tính xách tay VAIO SVD 11Z15CVB - Thấy Thành	02201.04.030204.001	1	34.534.500	13.813.800	1	T. Phương					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
39	-Máy tính xách tay VAIO SVD 11215CVB - Anh Soa	02201.04.030204.003	1	34.534.500	13.813.800	1	A. Soa					
40	-Máy tính để bàn Dell 3020	02201.06.030000.001	1	18.000.000	10.800.000	1	A. Soa					
41	-Máy photocopy Ricoh	02201.06.030000.002	1	158.000.000	118.500.000		→ Ktra lại -> P. BCL					
42	-Máy tính để bàn Sony Vaio	02201.06.030000.003	1	42.000.000	31.500.000	1	Thủy - N. B. B.					
43	-Điều hòa cây Panasonic C45FH	02201.06.030000.004	1	52.000.000	39.000.000	1	→ S. B. T. 1					
44	-Điều hòa cây Panasonic C45FH	02201.06.030000.005	1	52.000.000	39.000.000	1	→ S. B. T. 1.					
45	-Amply trung tâm Toa TS 900	02201.06.030000.006	1	42.500.000	25.500.000	1	TS. 910.	T. 8.				
46	-Micro chủ tọa Toa TS 901	02201.06.030000.007	1	12.500.000	7.500.000	1	P. H. T. 8.					
47	-Micro chủ tọa Toa TS 901	02201.06.030000.008	1	12.500.000	7.500.000	1	P. H. T. 8.					
48	-Micro chủ tọa Toa TS 901	02201.06.030000.009	1	12.500.000	7.500.000	1	P. H. T. 8.					
49	-Micro chủ tọa Toa TS 901	02201.06.030000.010	1	12.500.000	7.500.000	1	P. H. T. 8.					
50	-Bộ thu phát hồng ngoại Toa TS 905	02201.06.030000.011	1	10.500.000	6.300.000	1	P. H. T. 8.	→ Th. 8.				
51	-Bộ thu phát hồng ngoại Toa TS 905	02201.06.030000.012	1	10.500.000	6.300.000	1	"					
52	-Bộ thu phát hồng ngoại Toa TS 905	02201.06.030000.013	1	10.500.000	6.300.000	1	"					
53	-Bộ thu phát hồng ngoại Toa TS 905	02201.06.030000.014	1	10.500.000	6.300.000	1	"					
54	-Bộ sạc pin Toa BC 900 (xạc 1 lần được 8v)	02201.06.030000.015	1	30.000.000	18.000.000	1	"					
55	-Bộ sạc pin Toa BC 900 (xạc 1 lần được 8v)	02201.06.030000.016	1	30.000.000	18.000.000	1	"					
56	-Bộ micro cầm tay không dây UHF WS-5225 (dầu thu: WT 5810, tay mic: WM 5225)	02201.06.030000.017	1	10.400.000	6.240.000	1	P. H. T. 8.	- C. B. 8.				
57	-Bộ micro cầm tay không dây UHF WS-5225 (dầu thu: WT 5810, tay mic: WM 5225)	02201.06.030000.018	1	10.400.000	6.240.000	1	T. 8.					
58	-Bộ micro cầm tay không dây UHF WS-5225 (dầu thu: WT 5810, tay mic: WM 5225)	02201.06.030000.019	1	10.400.000	6.240.000	1						
59	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	02201.06.030000.020	1	18.500.000	11.100.000	1	→ C. H. 8.	→ P. H. 8.				

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chánh lịch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
60	-Đầu hòa LG 12000 BTU	02201.06.030000.021	1	12.000.000	9.000.000	01	12.000.000	9.000.000				
61	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Quốc Dững	02201.07.030202.001	1	25.411.000	15.246.600	1	25.411.000	15.246.600				
62	-Máy in phun EPSON L800 - 02.02.16 - Quốc Dững	02201.09.030301.001	1	14.700.000	11.760.000	1	14.700.000	11.760.000				
63	-Tủ sơn 1,35 m	02201.00.040000.002	1	10.520.000		1	10.520.000					
64	-Vách CNC sơn trắng và khung đỡ	02201.01.040000.001	1	44.478.000	38.918.250	1	44.478.000	38.918.250				
65	-Bàn họp lớn	02201.06.040000.001	1	88.000.000	66.000.000	1	88.000.000	66.000.000				
66	-Bàn làm việc gỗ	02201.06.040000.002	5	550.000.000	412.500.000	5	550.000.000	412.500.000				
67	-Bộ bàn làm việc gỗ ghế tay rộng	02201.06.040000.003	1	220.000.000	165.000.000	1	220.000.000	165.000.000				
68	-Bộ bàn ghế LUIS	02201.06.040000.004	1	110.000.000	82.500.000	1	110.000.000	82.500.000				
69	-Đồng hồ Vuông	02201.06.040000.005	1	44.000.000	38.500.000	1	44.000.000	38.500.000				
70	-Chế phòng khách	02201.06.040000.006	12	264.000.000	198.000.000	12	264.000.000	198.000.000				
71	-Ghế chủ tọa gỗ cột 14	02201.06.040000.007	2	50.600.000	37.950.000	2	50.600.000	37.950.000				
72	-Bàn phòng khách	02201.06.040000.008	3	59.400.000	44.550.000	3	59.400.000	44.550.000				
73	-Bục tượng Bức	02201.06.040000.009	1	55.000.000	41.250.000	1	55.000.000	41.250.000				
74	-Bộ bàn ghế ăn (10 ghế + 01 bàn)	02201.06.040000.010	5	467.500.000	350.625.000	5	467.500.000	350.625.000				
75	-Bộ bàn ghế ngũ phúc voi gỗ Cẩm Lai: 01 bàn; 02 ghế; 01 Đôn; 02 Đôn cao; 02 Đôn thấp	02201.09.040000.001	1	165.000.000	123.750.000	1	165.000.000	123.750.000				
76	-Tủ lạnh Sanid	02201.00.110000.001	1	3.843.333	-3.843.333	01	3.843.333	-3.843.333				
77	-Tủ lạnh Sanid	02201.00.110000.007	1	4.500.000		01	4.500.000					
78	-Két bạc	02201.00.110000.009	1	1.600.000		1	1.600.000					
79	-Máy FAX Panasonic KX-FL402CX	02201.00.110000.014	1	4.447.000		1	4.447.000					
80	-Microphone TOA TS-903	02201.00.110000.015	51	64.600.000		51	64.600.000					
81	-Pin ở trong bộ thu phát âm thanh TOA BP-900	02201.00.110000.017	51	75.000.000		51	75.000.000					
82	-Tăng âm TOA A-2120	02201.00.110000.018	1	3.100.000		1	3.100.000					
83	-Loa TOA DM-1200	02201.00.110000.019	4	3.500.000		4	3.500.000					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
84	-Microphone có dây TOA DM-1200	02201.00.110000.020	1	654.000		1	→ C. An ninh T.2		
85	-Máy in Canon LaserJet 3300	02201.00.110000.022	1	3.600.000		1	→ C. IT -> Phòng vật tư.		
86	-Quạt cây điện cơ 91	02201.00.110000.023	1	700.000		1	→ Thanh lý		
87	-Giá bát inox treo tường	02201.00.110000.024	1	1.300.000		1	→ Phòng		
88	-Máy sấy bát đĩa	02201.00.110000.025	1	4.200.000	4.200.000	1	PC kho - T.2 -> Thanh lý.		
89	-Máy in HP Laser P2014	02201.00.110000.034	1	5.019.000		1	Thầy - Thanh lý		
90	-Điều hoà Mitsubishi 13.000 BTU	02201.00.110000.035	1	8.580.000		1	→ Phòng cũ A1		
91	-Máy in HP LaserJet P2035	02201.00.110000.036	1	9.293.882		1	1. Thầy -> DN - Thanh lý		
92	-Máy in Laser HP 1150	02201.00.110000.037	1	6.454.350		1	→ H. Dũng - VP Vật tư.		
93	-Bộ thu phát âm thanh chủ tọa TOA-TS-801	02201.00.110000.038	1	6.900.000		1	→ Chủ		
94	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.039	1	6.436.000		1			
95	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.040	1	6.436.000		1			
96	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.041	1	6.436.000		1			
97	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.042	1	6.436.000		1			
98	-Bộ thu phát hồng ngoại TOA TS-905	02201.00.110000.043	1	7.250.000		1	→ Phòng - 4 cũ.		
99	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.044	1	6.436.000		1			
100	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.045	1	6.436.000		1			
101	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.046	1	6.436.000		1			
102	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.047	1	6.436.000		1			
103	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.048	1	6.436.000		1			
104	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.049	1	6.436.000		1			

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
105	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.050	1	6.436.000								
106	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.051	1	6.436.000								
107	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.052	1	6.436.000								
108	- Tủ lạnh Toshiba 25VUD - 250 lít	02201.00.110000.053	1	7.500.000								
109	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.054	1	6.436.000								
110	- Máy in HP LaserJet P2035	02201.00.110000.055	1	7.290.000								
111	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.056	1	6.436.000								
112	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.057	1	6.436.000								
113	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.058	1	6.436.000								
114	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.059	1	6.436.000								
115	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.060	1	6.436.000								
116	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.061	1	6.436.000								
117	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.062	1	6.436.000								
118	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.063	1	6.436.000								
119	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.064	1	6.436.000								
120	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.065	1	6.436.000								
121	TOA-TS-802 -Bộ thu phát âm thanh đại biểu	02201.00.110000.066	1	6.436.000								

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSGB	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
122	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.067	1	6.436.000		1						
123	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.068	1	6.436.000		1						
124	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.069	1	6.436.000		1						
125	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.070	1	6.436.000		1						
126	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.071	1	6.436.000		1						
127	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.072	1	6.436.000		1						
128	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.073	1	6.436.000		1						
129	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.074	1	6.436.000		1						
130	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.075	1	6.436.000		1						
131	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.076	1	6.436.000		1						
132	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.077	1	6.436.000		1						
133	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.078	1	6.436.000		1						
134	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.079	1	6.436.000		1						
135	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.080	1	6.436.000		1						
136	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.081	1	6.436.000		1						
137	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.082	1	6.436.000		1						
138	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.083	1	6.436.000		1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
139	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.084	1	6.436.000		1						
140	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.085	1	6.436.000		1						
141	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.086	1	6.436.000		1						
142	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.087	1	6.436.000		1						
143	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.088	1	6.436.000		1						
144	-Bộ thu phát âm thanh đại biểu TOA-TS-802	02201.00.110000.089	1	6.436.000		1						
145	-Máy in HP laser Pro 400 M401d	02201.00.110000.090	1	9.462.000		1.	A. Day - TB.					
146	-Máy đánh giấy tự động	02201.00.110000.091	1	8.990.000		1.	Day - TB.					
147	-Quạt cây Mitsubishi	02201.01.110000.001	1	1.800.000		1.	Thái Thanh					
148	-Máy in HP Pro 400D - Thảm thành	02201.06.110000.001	1	9.500.000		5.	Day - BGAH.					
149	-Tủ lạnh Hitachi 190 EG10	02201.06.110000.002	5	37.500.000		3	Day - TB.					
150	-Quạt cây Mitsubishi	02201.06.110000.003	3	5.280.000		1.	Chị Hương - Văn Thi.					
151	-Ổ cứng ngoài 2TB - Quốc Dũng	02201.06.110000.004	1	3.490.000		1.	Schura. -> C. Hien -> P. Hien TB.					
152	-Bếp Gas - Chi Hien	02201.06.110000.005	1	3.600.000		2.	Văn Thu, C. Hien					
153	-Máy hút bụi LG	02201.06.110000.006	2	7.000.000		1.	TB + (TB) TB					
154	-Tăng âm truyền thanh liên liên mixer Toa A-2240	02201.06.110000.007	2	15.000.000		4.	TB.					
155	-Loa Toa BS-1030W	02201.06.110000.008	4	8.400.000		1.	A1 - 1000					
156	-Micro cầm tay có dây Toa DM-1200	02201.06.110000.009	1	2.800.000		6.	(C. Hien) + 17(TB) + 25(TB)					
157	-Micro đại biểu Toa TS 902	02201.06.110000.010	48	456.000.000		1	C. TB + 2.TB + 1.C. Hien					
158	-Cân Micro hội nghị Toa TS 904 (loại dài)	02201.06.110000.011	4	14.000.000		6.	(C. Hien) + 17(TB) + 25(TB)					
159	-Cân micro tiêu chuẩn Toa TS 903	02201.06.110000.012	48	88.900.000		6	(C. Hien) - 17 + 25					
160	-Pin Lithium BP-900	02201.06.110000.013	52	150.800.000								

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	
161	-Bộ chia tín hiệu (loại 1:4)	02201.06.110000.014	1	4.050.000		1	T8			
162	-Loa hộp Toa BS-1030W	02201.06.110000.015	4	11.000.000		4	Tặng 6- 2.800.000.000			
163	-Micro điện động cầm tay Toa DM-320 AS (có dây để bàn)	02201.06.110000.016	1	920.000		1	A. Phươ → 1 → 2.800.000.000			
164	-Micro độ nhạy cao Toa EM-360 AS (có dây cài áo)	02201.06.110000.017	1	1.330.000		1	A. Phươ → 1 → 2.800.000.000			
165	-Bộ micro cài áo không dây UHF WS-5325M (đầu thu: WT 5810, tay mic: WM 5325)	02201.06.110000.018	1	9.400.000		1	C. Hiên			
166	-Máy in HP laser Pro 400 M401d - TK	02201.07.110000.001	1	9.462.000		1	Thủy k. Hòa			
167	-Ổ cứng ngoài My passport Ultra 1TB Black APAC- Quốc Dữ	02201.09.110000.001	1	4.950.000		1	A. D. D. - T3.			
168	-Tủ sơn 1,84 m	02201.00.120000.001	1	7.120.000		1	A. Sơn			
169	-Tủ nhôm kính đựng đồ dùng	02201.00.120000.002	1	6.300.000		1	Phong au			
170	-Bàn gỗ HAGL 1600 x 850 x 750 (gồm kính bàn)	02201.00.120000.004	1	7.400.000		1	A. B. - C. Hiên x 6.000			
171	-Bàn hợp dây sau	02201.06.120000.001	12	81.576.000		9	(T2) + 3 (T8)			
172	-Ghế hợp	02201.06.120000.002	67	206.360.000		53	(T2) + 12 (T8) + 1 (T2)			
173	-Tủ nước	02201.06.120000.003	1	4.089.800		1	(T2)			
174	-Đôn phòng khách	02201.06.120000.004	7	30.800.000		6	P. B. - V. T. + 1. T. C. (chất lượng)			
	Cộng		544	5.492.527.755	2.380.302.501					

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày tháng năm 2018

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG. PHÓ. HIỆU. TRƯỞNG. 2....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy hủy tài liệu Bingo C35 - Thấy Thành - 2017	02206.01.110000.001	1	7.500.000	7.500.000	1			
	Cộng		1	7.500.000	7.500.000				

.....

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê





BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông:

- Ông (bà):

- Ông (bà):
- Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Chức vụ:

Chức vụ:
- Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG.PHÓ.HIỆU...TRƯỜNG.1....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính xách tay Apple Macbook Pro MULT2	02205.01.030207.001	1	65.010.000	52.008.000	1						
2	-Máy tính VPC1212FX/B (màn hình 24")	02205.02.030000.001	1	35.765.400	7.153.080	1						
3	-Máy in màu HP M277DW	02205.06.030000.001	1	20.000.000	12.000.000	1						
4	-Máy hủy tài liệu Bingo C35 - Thấy Phường - 2017	02205.01.110000.001	1	7.500.000	7.500.000	1						
	Cộng		4	128.275.400	78.661.080							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG HIỆU TRƯỞNG

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	Máy tính xách tay Macbook pro 13 inch	02204.01.030207.001	1	45.000.000	45.000.000	1	Thầy	45.000.000	
	Cộng		1	45.000.000	45.000.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 2017

Bộ phận kiểm kê





Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG HỌP A1....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	- Bàn họp	02203.00.040000.001	1	24.750.000		1	24.750.000		
2	- Ghế da	02203.00.120000.001	93	108.345.000	-16.310.000	93	108.345.000		
3	- Bàn vi tính	02203.00.120000.003	1	590.000		1	590.000		
4	- Tủ kính phòng giáo viên	02203.00.120000.004	1	2.675.000		1	2.675.000		
5	- Bục thuyết trình	02203.00.120000.005	1	1.472.500		1	1.472.500		
6	- Bục để tượng bác	02203.00.120000.006	1	450.000		1	450.000		
	Cộng		98	138.282.500	-16.310.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ona (ba)

Ona (ba)

- Ông (bà):

- Ông (bà) *

- Ong (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

• Ông (bà):

Chức vụ:

Ông (bà):

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Bàn họp - Phòng giáo sư	02207.06.120000.001	2	19.800.000								
2	-Ghế họp - Phòng giáo sư	02207.06.120000.002	32	29.920.000								
3	-Tủ tài liệu - Phòng giáo sư	02207.06.120000.003	10	35.200.000								
4	-Bàn làm việc 1400 x 700 x 750	02207.06.120000.004	14	88.088.000								
5	-Ghế làm việc	02207.06.120000.005	14	24.640.000								
6	-Tủ nước	02207.06.120000.006	2	8.179.600								
	Cộng		74	205.827.600								

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghê An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG IN BẰNG (T3-NHÀ CNC)....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy in văn bản EPSON PLQ -20M	02215.00.030000.001	1	29.050.000	17.430.000	1	29.050.000	17.430.000				
	Cộng		1	29.050.000	17.430.000							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:TỔ XE....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Xe TOYOTA ATIS 37A-6886	02214.00.050000.001	1	579.750.000		1			
2	-Xe ISUZU 37A 1516	02214.00.050000.002	1	554.028.000		1			
3	-Xe Mercedes 16 chỗ	02214.00.050000.003	1	881.380.000	528.828.000				
4	-Xe Toyota Landcruiser 7 chỗ;	02214.00.050101.001	1	426.055.109	255.633.065				
5	-Xe Toyota Fortuner	02214.00.050102.001	1	1.142.900.000	800.030.000				
6	-Quạt cây Mitsubishi 1v16	02214.01.110000.001	2	2.390.000		2			
	Cộng		7	3.586.503.109	1.584.491.065				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:BỘ PHẬN.MỘT.CỬA...TẦNG.1.TÒA NHÀ.CNC....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02213.00.030000.001	1	21.225.000	8.490.000	1	→ đã đồng hồ 1L		
2	-Bảng điện tử đơn sắc (Đa sắc)	02213.00.030000.002	2	2.027.364.000	1.013.757.000	2			
3	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	02213.01.030104.001	1	18.500.000	14.800.000	1	Chị Tuấn		
4	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	02213.01.030104.002	1	18.500.000	14.800.000	1	Ông Giang		
5	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3040 - 2016	02213.01.030106.003	1	18.150.000	18.150.000	1	Thúy		
6	-Máy tính để bàn cho HS Dell Optiplex	02213.07.030000.001	1	15.821.300	9.492.780	1	7/10/2017 H+S V chuyển sang		
7	-Máy in HP laser Pro 400 M401d	02213.00.110000.001	1	9.462.000		1	→ Hai 7 chuyển sang PG vào tủ		
8	-Máy quét HP 5590 L1910A	02213.01.110000.001	1	9.790.000		1	→ Lâm H+S V → Ông Giang		
9	-Máy in HP Laser jet Pro M402 - 2016	02213.01.110102.001	1	8.800.000	8.800.000	1	→ C.Thúy		
10	-Chế xoay văn phòng - Mai	02213.01.120000.001	1	1.600.000		1			
11	-Bàn Hòa Phát ET1600E	02213.01.120000.002	1	4.200.000		1	→ Ông Giang		
12	-Chế Văn phòng SL 901	02213.01.120000.003	2	3.000.000		2			
	Cộng		14	2.156.412.300	1.088.289.780				

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà):

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG KHÁCH TẦNG 2 CNC, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Thiết bị xử lý Feedback KX500 -2017	02211.01.030000.001	1	18.500.000	18.500.000	1	P. H. T2		
2	-Amplify trung tâm Toa TS900	02211.01.031001.001	1	40.500.000	32.400.000	1	TS. 910.		
3	-Bộ sạc pin Toa BC900	02211.01.031001.002	1	30.000.000	24.000.000	1	Ultra-Low T8 → Chuyen		
4	-Màn hình led phòng họp T2 - CNC 2016	02211.01.031001.003	1	265.000.000	212.000.000	1	Phong họp T2.		
	Cộng		4	354.000.000	286.900.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG.HỢP.HỘI.ĐỒNG.TẦNG.8....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Thiết bị xử lý Feedback KX500 -2017	02209.01.030000.001	1	18.500.000	18.500.000	1.			
2	-Bộ thu phát hồng ngoại Toa TS905	02209.01.031001.001	4	42.000.000	33.600.000	4.			
3	-Bộ sạc pin Toa BC900	02209.01.031001.002	1	30.000.000	24.000.000	1.			
4	-Bộ phát hồng ngoại TS 907 2016	02209.01.031001.003	2	25.200.000	20.160.000	2.			
5	-micro JTS GM - 512BL	02209.01.110000.001	11	25.850.000		4			
6	-Micro để bực JTS 2016	02209.01.110000.002	2	7.000.000		(18) + 1 + (12) 1.			
7	-Loa thông báo BS-1030B - 2017	02209.01.110000.003	4	6.320.000		4.			
8	-Bàn hội trưởng	02209.06.120000.001	8	30.800.000		40.			
9	-Ghế hội trưởng	02209.06.120000.002	200	143.000.000		145.			
10	-Bục phát biểu	02209.06.120000.003	1	3.850.000		1			
11	-Bục tượng bác	02209.06.120000.004	1	3.850.000		1			
12	-Tượng Bác	02209.06.120000.005	1	2.420.000		1			
	Cộng		236	338.790.000	96.260.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghe An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	02210.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	1.			
2	-Máy hủy tài liệu Bingo C35	02210.01.110000.001	1	7.500.000		1. A.Bảng			
3	-Máy hủy giấy Bingo C35 - A Soa	02210.01.110000.002	1	7.700.000		1- A.Soa			
4	-Bàn sơn 1.4 m	02210.00.120000.003	1	2.850.000		1. A.Soa			
5	-Tủ sơn 1.84	02210.00.120000.006	1	7.120.000		1. A.Soa			
6	-Ghế da cũ	02210.01.120000.001	2	2.330.000		2. A.Soa - mới mua			
	Cộng		7	46.000.000	11.100.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê




Hương He-Nam



Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG VĂN THƯ TIẾP KHÁCH....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	Máy tính để bàn All in One ASUS - Chi Lộc	02202.00.030000.001	1	21.225.000	12.735.000	1	→ A.Dũng			
2	Máy photocopy Ricoh MP4054 - A.Thắng	02202.01.030402.001	1	198.500.000	173.687.500	1				
3	Máy scan Kodak I1150 - Chi Hương	02202.01.031000.001	1	30.000.000	24.000.000	1				
4	Mô-ý photocopy hống Ricoh MP4054	02202.10.030000.001	1	145.000.000	87.000.000	1	- A.Thắng 01 → C.Lộc t/c TCCB.			
5	Máy in HP LaserJet P2035	02202.00.110000.001	1	7.290.000		1				
6	Tủ lạnh Sanyo	02202.00.110000.002	1	3.850.000		1	VP. Đăng ký			
7	Tủ lạnh Sharp	02202.00.110000.003	1	4.900.000	4.900.000	1	→ 1			
8	Bàn sơn 1.6 m	02202.00.120000.001	3	12.210.000		3	→ Ban phi TP → (C.Lộc + A.Dũng) + 1 (B) +			
9	Bàn sơn 1.4 m	02202.00.120000.002	2	5.700.000		2	→ C.Hương			
10	Bàn sơn 1.0 m	02202.00.120000.003	2	5.080.000		2	→ Ban 14. C.Lộc, Hương + A.Dũng			
11	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	02202.00.120000.005	2	4.400.000		2				
12	Tủ sắt Hòa Phát cửa kính	02202.00.120000.006	1	2.150.000		1				
13	Tủ sắt 18 ô	02202.00.120000.007	3	7.200.000		3				
14	Ghế xoay da (phó TP/TK/GP)	02202.00.120000.008	2	7.920.000		2				
15	Ghế da	02202.00.120000.009	3	3.495.000		3				
16	Ghế tựa đệm phòng hội thảo	02202.00.120000.012	1	830.000		1				

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	- Tủ sơn 1.35 m	02202.00.120000.013	1	5.260.000		1	A. Dũng		
18	- Tủ sơn 1.35 m	02202.00.120000.014	1	5.260.000		1	0 c. Lỗ Chĩa' Tươi		
19	- Bàn ET 1600 - Chi Lọc	02202.00.120000.015	1	4.200.000		1			
20	- Tủ HP DC1350H1	02202.00.120000.016	1	4.600.000		2	2A - A. Dũng - T.S.		
	Cộng		30	479.070.000	302.322.500				

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

Bộ phận kiểm kê





BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: HCTH - Phòng Truyền Phong

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ



Chun

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017
Đơn vị: Hà Nội... Đan... nhất của + Vào thứ 12 .
Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

Đơn vị: 10^4 t ... 1 tấn ... 1 mét của + Vào Thứ 1 2 -

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

BAN KIỂM KÊ



Chand

ĐƠN VỊ: HCTH - Phòng CSO - T2 - CNC

Đơn vị: ...14.07.14.....Phong CS-12.....CS

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỜNG ĐƠN VI

BAN KIỂM KÊ



Chavez

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vi: $\text{ACTH} - \text{hA}^{-1}$.

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ



Chun

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đom vi:

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ



BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017
Đơn vị: ... HCTH - Phòng ... Thị trấn - TĐ - P ... thường TĐ

Đơn vị: kgct/H - Phong baob và 1m² > 10

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ



Chen

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: Phòng Kế toán Tài chính - Tài trợ TS
 Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ,...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo kiểm kê	Nguyên nhân	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ tài sản hiện có tại đơn vị				Ghi chú
								Số lượng	Thẻ kho	BBB G	CO, C Q	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	
	Micon đã đi 5030				1	1						
	Amly TOA 2000-2120				1	1						
	Máy chấu Hitachi 4041				1	1						
	1 Lốp Chảo P. 4x2.4				1	1						
	Cơ cấu trục quay Mitsubishi				1	1						
	1 Lốp Chảo X 300				1	1						
	Bơm nước				1	1						
	Cột đèn 1 Chủng SL 901				1	1						
	Cột đèn 1 phía đơn vị				1	1						
	TOA 3240				1	1						
	Cột cây Mitsubishi				1	1						
	Cột trụ trụ				1	1						
	Mitsubishi 4000				1	1						
	1 Lốp Chảo X 300				1	1						
	1 Lốp Chảo X 300				1	1						
	1 Lốp Chảo X 300				1	1						
	Cộng				1	1						

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

(Signature)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị:
 P. 11-13

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VI

BAN KIỂM KÊ

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Don vi:

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: *Bổ phần một cửa + VP. Về TB Thu*

Đơn vị: Bộ phận tiếp xúc + VK. Vab / m

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỜNG ĐƠN VI

BAN KIỂM KÊ

ĐƠN VỊ: ... Phòng TK - 17CCT

Đơn vị:Phong TK:-176617

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

Long the New